

15. Đau dạ dày

Thường đau ở chính giữa vùng bụng trên, phần nhiều do bị lạnh, nóng, đàm ẩm, no, đói không đều hoặc tức giận quá độ, can khí không thư dẫn đến vị khí bất hòa, sinh ra đau.

Bị lạnh mà đau dạ dày thì nôn ra nước trong, hoặc dãi lỏng, ăn xong lâu mới nôn, thích uống nước ấm, sợ lạnh. Bị nhiệt hoặc nhiệt bên trong quá thịnh, thường ăn xong nôn ngay, nôn ra thứ chua, đắng, nóng, hôi, miệng khát đòi uống nước mát, sợ nóng. Đau mà nôn ra bọt dãi, váng đầu, hồi hộp, thường là đàm ẩm, đồ ăn không tiêu hóa, ngực bụng trướng đầy, đau, ăn xong càng đau tăng, khó chịu, ợ hơi. Can khí không thông thì đau buốt xương sườn. Vị khí hư nhược thì vùng dạ dày đau lâm râm, ăn nhiều nhưng thường gầy mòn.

Cách chữa: Lấy huyết Trung quản, Nội quan, Túc tam lý, Vị du.

Bốn huyết trên đều dùng phép nâng ấn tả (nâng mạnh, ấn nhẹ), lưu kim, 30 phút, cách ngày châm 1 lần.

Gia giảm:

- Nhiệt thì châm, hàn thì cứu *Hợp cốc, Nội đình*.
- Can khí bất thư, gia *Thái xung, Dương lăng tuyền*.
- Tỳ, vị hư hàn, cứu *Khí hải*.
- Đàm ẩm gia *Chiên trung, Phong long*.
- Nhiệt thổ không dứt, gia *Kim tân, Ngọc dịch*, chích ra máu.

Giải nghĩa của phương: Phương này hòa vị chỉ thống^(*), *Trung quản, Vị du* là phối hợp du, mộ, gia *Túc tam lý* để thêm công năng thông giáng vị khí. *Nội quan* có tác dụng tuyên thông khí cơ ở Tam tiêu, điều trung, thư giãn dạ dày. *Hợp cốc, Nội đình*, tả khí thủ dương minh, túc dương minh để tiết nhiệt, dùng cứu có thể ôn vị, tán hàn. *Thái xung, Dương lăng tuyền* để bình can mộc hoành nghịch^(†). Cứu *Khí hải* để ôn dương tán hàn, đại bổ trung khí. *Phong long* vận khí tỳ, vị. *Chiên trung* điều khí ở mình mẩy, làm khí hành thì hết đau. *Kim tân, Ngọc dịch* điễm chích ra máu để tiết nhiệt.

(*) Chỉ thống: Dứt đau.

(†) Hoành nghịch: Ngang ngược.